

Bản án số: 82/2022/KDTM-ST

Ngày: 29-9-2022

V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Tám

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tiêu Thị Kim Liên
2. Ông Võ Thành Viên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 1/2022/TLST-KDTM ngày 13 tháng 01 năm 2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 372/2022/QĐST-KDTM ngày 15 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 341/2022/QĐST-KDTM ngày 09 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH Cung ứng nguồn hàng V; địa chỉ: Phường P, thành phố Đ, Thành phố H.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1967, theo giấy ủy quyền số 01/2022/NHV-UQ ngày 08/3/2022; (có mặt).

- Bị đơn: Công ty TNHH Một thành viên Công nghệ thông tin D; địa chỉ: Phường A, quận G, Thành phố H.

Đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Trần Đình L, sinh năm 1972, giám đốc công ty, là người đại diện theo pháp luật của bị đơn; địa chỉ: Phường A, quận G, Thành phố H; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện nộp ngày 30 tháng 12 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đại diện của nguyên đơn Công ty TNHH Cung ứng nguồn hàng V trình bày:

Nguyên đơn Công ty TNHH Cung ứng nguồn hàng V (viết tắt là Công ty Cung ứng nguồn hàng V) và bị đơn Công ty TNHH Một thành viên Công nghệ thông tin D (viết tắt là Công ty D) ký Hợp đồng kinh tế số 0704/NHV-2021 ngày 07/4/2021 về mua bán bao đựng gạo xuất khẩu. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, Công ty Cung ứng nguồn hàng V là bên sản xuất và bán bao đựng gạo xuất khẩu, Công ty D là bên mua bao gạo xuất khẩu; số lượng bao bì nguyên đơn bán cho bị đơn theo hợp đồng là 28.300 bao PP dệt trong, ghép màng, BOPP 2 mặt kiểu dáng xếp hông, gấp đáy may 2 đường chỉ; giá trị hợp đồng là 249.610.000 đồng; thời gian giao hàng từ 20 đến 25 ngày kể từ ngày đặt cọc và xác nhận file trực in (trừ ngày lễ và chủ nhật); bị đơn tạm ứng cho nguyên đơn 30% tiền bao bì và 100% tiền trực in, số tiền bao bì còn lại 70% bị đơn thanh toán cho nguyên đơn ngay sau khi nguyên đơn báo số lượng thực tế (trước khi nguyên đơn giao hàng cho bị đơn); nếu quá thời hạn trên mà bị đơn không thanh toán cho nguyên đơn thì bị đơn phải chịu thêm tiền lãi theo lãi suất quá hạn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại thời điểm thanh toán.

Thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã khẩn trương sản xuất và hoàn toàn đúng hạn như thỏa thuận trong hợp đồng. Ngày đặt cọc là ngày 07/4/2021 theo Phiếu thu ngày 07/4/2021. Nguyên đơn đã giao trước cho bị đơn 300 cái bao theo yêu cầu của bị đơn. Bị đơn đã thanh toán trước cho nguyên đơn 106.978.000 đồng. Trong quá trình sản xuất, Công ty Cung ứng nguồn hàng V sản xuất số lượng dư 400 cái bao nên tổng số bao nguyên đơn sản xuất bán cho Công ty D là 28.700 cái bao, bị đơn thống nhất mua, nhận 28.700 cái bao nên nguyên đơn và bị đơn đã ký xác nhận thanh toán công nợ và giao nhận hàng. Sau khi giao hàng đợt 1, nguyên đơn nhiều lần thông báo bằng điện thoại cho bị đơn đến nhận hàng và thanh toán theo hợp đồng nhưng bị đơn không giải quyết. Số hàng bao bì Công ty D chưa nhận vẫn được lưu giữ tại kho của Công ty Cung ứng nguồn hàng V tại địa chỉ Phường H, thành phố Đ, Thành phố H. Ngày 28/6/2021, Công ty Cung ứng nguồn hàng V gửi thông báo cho Công ty D yêu cầu nhận hàng và thanh toán dứt điểm công nợ, Công ty D đã đồng ý, ký đóng dấu xác nhận và xin gia hạn đến ngày 15/7/2021 sẽ thanh toán toàn bộ tiền hàng còn lại. Ngày 28/7/2021, bị đơn thanh toán cho nguyên đơn 10.000.000 đồng. Ngày 14/10/2021, bị đơn thanh toán cho nguyên đơn 4.000.000 đồng. Sau đó, Công Duy Khoa không thanh toán tiếp tiền hàng cho Công ty Cung ứng nguồn hàng V nữa.

Nguyên đơn đã nhiều lần nhắc và đòi nợ nhưng bị đơn vẫn không thanh toán cho nguyên đơn số tiền mua bao bì còn nợ trên. Do đó, để bảo vệ lợi ích chính đáng của nguyên đơn, Công ty Cung ứng nguồn hàng V khởi kiện, yêu cầu Công ty D phải thanh toán các khoản nợ tính đến ngày 29/9/2022 theo Hợp đồng kinh tế số 0704/NHV-2021 ngày 07/4/2021 như sau:

- + Số tiền hàng còn nợ là 131.512.000 đồng;
- + Tiền lãi suất tính từ ngày 15/7/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 29/9/2022 là 17.162.316 đồng (tính theo mức lãi suất 10,8%/năm của Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh);

Tổng cộng nợ gốc và lãi nêu trên là 148.674.316 đồng.

Ngoài ra, nguyên đơn còn yêu cầu bị đơn phải tiếp tục trả tiền lãi suất phát sinh trên nợ gốc còn nợ tính từ ngày 30/9/2022 cho đến ngày thanh toán hết nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn tại thời điểm thanh toán theo thỏa thuận của các bên trong hợp đồng.

Thời hạn thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán đủ số tiền còn nợ trên ngay sau khi có bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn đã xác nhận nguyên đơn thực hiện xong nghĩa vụ và bị đơn còn nợ tiền hàng của nguyên đơn. Số hàng nguyên đơn sản xuất để bán cho bị đơn vẫn lưu giữ tại kho của Công ty Cung ứng nguồn hàng V, nên bị đơn có nhận hàng hay không là quyền của bị đơn, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải nhận hàng.

- *Đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty D trình bày trong bản tự khai và các Biên bản hòa giải ngày 24/02/2022, ngày 09/3/2022:* Công ty D xác nhận việc ký kết Hợp đồng kinh tế 0704/NHV-2021 ngày 07/4/2021 và nội dung thỏa thuận trong hợp đồng như Công ty Cung ứng nguồn hàng V trình bày. Công ty D xác nhận đã thanh toán tiền đặt cọc cho Công ty Cung ứng nguồn hàng V là 106.978.000 đồng và chưa nhận hàng. Sau đó, ngày 28/7/2021 bị đơn thanh toán cho nguyên đơn 10.000.000 đồng, ngày 14/10/2021 bị đơn thanh toán cho nguyên đơn 4.000.000 đồng. Công ty D xác nhận còn nợ tiền hàng của Công ty Cung ứng nguồn hàng V 131.512.000 đồng và đồng ý trả. Bị đơn không đồng ý trả tiền lãi cho nguyên đơn.

Do tình hình dịch bệnh covid bùng phát nên bị đơn chậm thực hiện hợp đồng theo thời hạn. Bị đơn đề nghị nguyên đơn tạo điều kiện, để thời hạn từ 03 tháng đến 06 tháng cho bị đơn có thời gian sắp xếp, khi hàng hóa xuất khẩu được, bị đơn sẽ thanh toán số tiền hàng còn lại và nhận số bao gạo mà nguyên đơn đã in.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập đương sự để triệu tập Công ty D và ông Trần Đình Long là người đại diện theo pháp luật của bị đơn tới Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử nhưng Công ty D vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh:*

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, nguyên đơn chấp hành

đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Công ty D đã ký hợp đồng mua bán bao bì đựng gạo xuất khẩu với Công ty Cung ứng nguồn hàng V theo như nội dung vụ án đã trình bày, đến hạn thanh toán bị đơn vi phạm nghĩa vụ, chưa thanh toán cho nguyên đơn, nên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cung ứng nguồn hàng V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Công ty Cung ứng nguồn hàng V và Công ty D ký hợp đồng mua bán bao bì đựng gạo xuất khẩu, do đó có cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có giao kết hợp đồng kinh doanh thương mại, tranh chấp phát sinh giữa các bên đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn mua bao bì đựng gạo xuất khẩu nhưng chưa thanh toán cho nguyên đơn nên Công ty Cung ứng nguồn hàng V được quyền khởi kiện, theo khoản 2 Điều 68, Điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Công ty D được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, công ty chưa đăng ký giải thể và có trụ sở tại Phường A, quận G, Thành phố H, người đại diện theo pháp luật của công ty là ông Trần Đình L, giám đốc công ty. Nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận về thẩm quyền giải quyết tranh chấp tại Điều 6.3 của hợp đồng, lựa chọn Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết nếu có tranh chấp, phán quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có giá trị chung thẩm đối với cả hai bên là thỏa thuận trái quy định của pháp luật nên không có giá trị pháp lý. Do bị đơn có trụ sở tại quận G, Thành phố H nên căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về người tham gia tố tụng: Bị đơn Công ty D và ông Trần Đình L là người đại diện theo pháp luật của bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn Công ty D. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa.

[2]. Về nội dung:

- *Xét quan hệ pháp luật tranh chấp:* Công ty Cung ứng nguồn hàng V và Công ty D ký hợp đồng mua bán bao bì đựng gạo xuất khẩu, đây là hoạt động kinh doanh, thương mại phát sinh giữa hai pháp nhân có đăng ký kinh doanh với

nhau và đều có mục đích lợi nhuận nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Xét yêu cầu của nguyên đơn Công ty Cung ứng nguồn hàng V, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận đã ký Hợp đồng kinh tế số 0704/NHV-2021 ngày 07/4/2021 về mua bán bao bì đựng gạo xuất khẩu. Căn cứ vào hợp đồng được ký giữa Công ty Cung ứng nguồn hàng V với Công ty D cho thấy việc giao kết hợp đồng mua bán bao bì đựng gạo xuất khẩu nêu trên giữa hai bên là có thật và trên cơ sở tự nguyện, nội dung mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý.

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của đương sự, xét thời điểm giao kết, thực hiện hợp đồng, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định Luật Thương mại năm 2005, đã được sửa đổi, bổ sung, cụ thể khoản 1 Điều 24 quy định: *“Hợp đồng mua bán hàng hóa được thể hiện bằng lời nói, bằng văn bản hoặc được xác lập bằng hành vi cụ thể”*; khoản 1 Điều 50 quy định: *“Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng và nhận hàng theo thỏa thuận”*, khoản 2 Điều 50 quy định: *“Bên mua phải tuân thủ các phương thức thanh toán, thực hiện việc thanh toán theo trình tự, thủ tục đã thỏa thuận và theo quy định của pháp luật”*.

Xét thỏa thuận của các đương sự trong hợp đồng, Công ty Cung ứng nguồn hàng V là bên sản xuất và bán bao bì đựng gạo xuất khẩu, Công ty D là bên mua bao bì; số lượng bao bì nguyên đơn bán cho bị đơn theo hợp đồng là 28.300 bao PP dệt trong, ghép màng, BOPP 2 mặt kiểu dáng xếp hông, gấp đáy may 2 đường chỉ; giá trị hợp đồng là 249.610.000 đồng; thời gian giao hàng từ 20 đến 25 ngày kể từ ngày đặt cọc và xác nhận file trực in (trừ ngày lễ và chủ nhật); bị đơn tạm ứng cho nguyên đơn 30% tiền bao bì và 100% tiền trực in, số tiền bao bì còn lại 70% bị đơn thanh toán cho nguyên đơn ngay sau khi nguyên đơn báo số lượng thực tế (trước khi nguyên đơn giao hàng cho bị đơn); nếu quá thời hạn trên mà bị đơn không thanh toán cho nguyên đơn thì bị đơn phải chịu thêm tiền lãi suất.

Xét quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã giao trước cho bị đơn 300 cái bao bì, bị đơn đã đặt cọc thanh toán trước cho nguyên đơn 106.978.000 đồng theo Phiếu thu ngày 07/4/2021. Trong quá trình sản xuất, Công ty Cung ứng nguồn hàng V sản xuất số lượng dư 400 cái bao nên tổng số bao nguyên đơn sản xuất bán cho Công ty D là 28.700 cái bao, bị đơn thống nhất mua, nhận 28.700 cái bao nên nguyên đơn và bị đơn đã ký xác nhận thanh toán công nợ và giao nhận hàng theo Thông báo ngày 28/6/2021, Công ty D đã đồng ý, ký đóng dấu xác nhận và xin gia hạn đến ngày 15-07 sẽ thanh toán đủ tiền hàng còn lại. Ngày 28/7/2021, bị đơn thanh toán cho nguyên đơn 10.000.000 đồng. Ngày 14/10/2021, bị đơn thanh toán cho nguyên đơn 4.000.000 đồng.

Căn cứ vào các bản tự khai và các Biên bản hòa giải ngày 24/02/2022, ngày 09/3/2022 tại Tòa án, cả nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận các nội dung trên. Công ty D xác nhận còn nợ tiền hàng của Công ty Cung ứng nguồn hàng V

là 131.512.000 đồng và đề nghị nguyên đơn đề thời hạn từ 03 tháng đến 06 tháng cho bị đơn có thời gian sắp xếp, khi hàng hóa xuất khẩu được, bị đơn sẽ thanh toán số tiền hàng còn lại và nhận số bao bì đựng gạo mà nguyên đơn đã in. Bị đơn không đồng ý trả tiền lãi cho nguyên đơn. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận trong hợp đồng, nên nguyên đơn khởi kiện, yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn tiền mua hàng còn nợ 131.512.000 đồng là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả tiền lãi suất chậm trả trên số tiền mua bao bì còn nợ, nhưng bị đơn không đồng ý trả tiền lãi. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 306 Luật Thương mại năm 2005, đã được sửa đổi, bổ sung quy định về quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán: *“Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”*; căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn tại điểm a khoản 1 Điều 13: *“Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015”*; tại khoản 2 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP hướng dẫn mức lãi suất hai bên thỏa thuận tại khoản 1 Điều 13 là mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng hoặc tại Tòa án, trường hợp các bên không có thỏa thuận về mức lãi suất nợ quá hạn thì mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn.

Xét Hợp đồng kinh tế số 0704/NHV-2021 ngày 07/4/2021 được ký giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận lãi suất chậm thanh toán, cụ thể tại khoản 3.2 Điều 3 của hợp đồng các đương sự có thỏa thuận: *“Nếu quá thời hạn trên mà bên B không thanh toán cho bên A thì bên B phải chịu trách nhiệm thêm tiền lãi theo lãi suất quá hạn của Ngân hàng Ngoại thương chi nhánh TP Hồ Chí Minh tại thời điểm thanh toán”*; căn cứ vào kết quả trả lời xác minh mức lãi suất quá hạn của Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại thời điểm thanh toán. Nguyên đơn căn cứ vào thỏa thuận điều khoản thanh toán trong hợp đồng và quy định của pháp luật, yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi suất do chậm nghĩa vụ thanh toán tính từ ngày 15/7/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 29/9/2022 là 17.162.316 đồng theo mức lãi suất của Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh nhưng nguyên đơn chỉ tính theo mức lãi suất trong hạn là 10,8%/năm mà không tính theo mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất nợ trong hạn, nên cách tính lãi suất này của nguyên đơn có lợi cho bị đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy do bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền mua

bao bì, nguyên đơn có quyền yêu cầu bị đơn trả lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất do các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng và quy định của pháp luật là có cơ sở chấp nhận. Ngoài ra, nguyên đơn còn yêu cầu bị đơn phải tiếp tục trả tiền lãi suất phát sinh trên nợ gốc còn nợ tính từ ngày 30/9/2022 cho đến ngày thanh toán hết nợ. Mặc dù hợp đồng các đương sự ký kết có thỏa thuận mức lãi suất chậm thanh toán theo mức lãi suất của Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không thể xác định được mức lãi suất này của ngân hàng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong có phù hợp với quy định của pháp luật theo hướng dẫn tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP hay không nên nguyên đơn yêu cầu trả tiền lãi phát sinh trên nợ gốc còn nợ tính từ ngày 30/9/2022 cho đến ngày thanh toán hết nợ nêu trên sẽ dựa trên mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Xét Công ty Cung ứng nguồn hàng V trình bày số hàng bao bì Công ty D chưa nhận vẫn được lưu giữ tại kho của Công ty Cung ứng nguồn hàng V tại địa chỉ phường P, thành phố Đ, Thành phố H. Ngày 28/7/2022, Tòa án tiến hành lập Biên bản lấy lời khai của đại diện Công ty Cung ứng nguồn hàng V, đại diện của nguyên đơn trình bày bị đơn nhận hàng khi nào là tùy bị đơn, Công ty TNHH Cung ứng nguồn hàng Việt chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty D phải thanh toán tiền mua hàng còn nợ và tiền lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng và Thông báo hai bên đã ký xác nhận, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải nhận hàng. Trong bản tự khai ngày 16/8/2022, đại diện của nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến không yêu cầu bị đơn nhận hàng, nên bị đơn nhận hàng hay không là tùy bị đơn. Do nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải nhận hàng nên Tòa án chỉ giải quyết trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của đương sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn có đơn đề nghị ngày 22/3/2022 đề nghị Tòa án xem xét trách nhiệm của bà Nguyễn Thị Bích V và triệu tập bà tham gia giải quyết vụ kiện, vì bị đơn cho rằng bà V có liên quan đến hợp đồng mua bán ký giữa nguyên đơn và bị đơn, bị đơn là trung gian đứng ra đặt hàng cho bà V. Tòa án đã có Thông báo số 107/TB-TA ngày 27/7/2022 giải quyết đơn và thông báo không chấp nhận đề nghị của Công ty D nhưng bị đơn không có ý kiến phản hồi gì khác. Hội đồng xét xử xét Hợp đồng kinh tế số 0704/NHV-2021 ngày 07/4/2021 và Thông báo ngày 28/6/2021 ký giữa Công ty Cung ứng nguồn hàng V và Công ty D không có đề cập đến bên thứ ba liên quan là bà Nguyễn Thị Bích V, bà V cũng không có yêu cầu độc lập theo Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự; trong bản tự khai và các Biên bản hòa giải ngày 24/02/2022, ngày 09/3/2022, đại diện theo pháp luật của Công ty D cũng đã xác nhận việc ký kết và thực hiện hợp đồng giữa bị đơn và nguyên đơn, xác nhận số hàng bị đơn đã nhận, số hàng chưa nhận, số tiền hàng bị đơn còn nợ mà không đề cập gì đến bên thứ ba liên quan; Công ty Cung ứng nguồn hàng V cũng trình bày đây là tranh chấp riêng

giữa nguyên đơn và bị đơn, không liên quan đến bên thứ ba nào khác. Do đó, đề nghị trên của bị đơn là không có cơ sở.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy do Công ty D vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty Cung ứng nguồn hàng V nên nguyên đơn khởi kiện, yêu cầu thu hồi lại số tiền hàng hóa bị đơn còn nợ và tiền lãi chậm trả là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; cần buộc Công ty D phải trả cho Công ty Cung ứng nguồn hàng V tổng số tiền nợ gốc và lãi là 148.674.316 đồng, trong đó số tiền mua hàng hóa bao bì còn nợ là 131.512.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 15/7/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 29/9/2022 là 17.162.316 đồng; ngoài ra, bị đơn phải tiếp tục trả tiền lãi suất phát sinh trên nợ gốc còn nợ tính từ ngày 30/9/2022 cho đến ngày thanh toán hết nợ theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; thanh toán một lần ngay sau khi có bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Đến hạn thanh toán, bị đơn chưa trả hết nợ cho nguyên đơn thì nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành toàn bộ khoản nợ trên để thu hồi nợ cho nguyên đơn.

Hội đồng xét xử thống nhất với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cung ứng nguồn hàng V.

[3]. *Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm*: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Luật phí, lệ phí năm 2015, yêu cầu của Công ty Cung ứng nguồn hàng V được chấp nhận nên Công ty D phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 7.433.716 đồng đối với khoản nợ mà Công ty D phải trả là 148.674.316 đồng.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí 3.682.336 đồng cho Công ty Cung ứng nguồn hàng V theo biên lai thu số AA/2021/0047553 ngày 13 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 147, Điều 150, Điều 177, Điều 179, Điều 186, Điều 203, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 24, khoản 1 và khoản 2 Điều 50, Điều 306 Luật Thương mại năm 2005, đã được sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Điều 468, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Luật phí, lệ phí và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Cung ứng nguồn hàng V.

- Buộc Công ty TNHH Một thành viên Công nghệ thông tin D phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH Cung ứng nguồn hàng V tổng cộng tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 29/9/2022 theo Hợp đồng kinh tế số 0704/NHV-2021 ngày 07/4/2021 là 148.674.316 (Một trăm bốn mươi tám triệu sáu trăm bảy mươi bốn nghìn ba trăm mười sáu) đồng, trong đó tiền nợ gốc mua bao bì là 131.512.000 (Một trăm ba mươi một triệu năm trăm mười hai nghìn) đồng và tiền lãi tính từ ngày 15/7/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 29/9/2022 là 17.162.316 (Mười bảy triệu một trăm sáu mươi hai nghìn ba trăm mười sáu) đồng.

Ngoài ra, Công ty TNHH Một thành viên Công nghệ thông tin D còn phải tiếp tục trả tiền lãi suất phát sinh trên nợ gốc còn nợ tính từ ngày 30/9/2022 cho đến ngày thanh toán hết nợ gốc theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Đến hạn thanh toán trên mà Công ty TNHH Một thành viên Công nghệ thông tin D chưa thanh toán hết số tiền còn nợ nêu trên thì Công ty TNHH Cung ứng nguồn hàng V được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành toàn bộ số tiền còn nợ để thu hồi nợ cho Công ty TNHH Cung ứng nguồn hàng V.

2- Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH Một thành viên Công nghệ thông tin D phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 7.433.716 (Bảy triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn bảy trăm mười sáu) đồng đối với số tiền mà Công ty TNHH Một thành viên Công nghệ thông tin D phải trả là 148.674.316 (Một trăm bốn mươi tám triệu sáu trăm bảy mươi bốn nghìn ba trăm mười sáu) đồng.

Công ty TNHH Cung ứng nguồn hàng V được nhận lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 3.682.336 (Ba triệu sáu trăm tám mươi hai nghìn ba trăm ba mươi sáu) đồng theo biên lai thu số AA/2021/0047553 ngày 13 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

3- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Công ty TNHH Cung ứng nguồn hàng V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án và bị đơn Công ty TNHH Một thành viên Công nghệ thông tin D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4- Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu

cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát ND Q.Gò Vấp;
- Thi hành án DS Q.Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS (Hoa).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Tám

